

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **130/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27- 12 - 2022

*“V/v Tranh chấp ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Đào Thị Ngâm và ông Lương Công Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thế Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 378/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXX-ST ngày 22/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2022/QĐST- HNGĐ ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Thị Mỹ C, sinh năm 1992; Địa chỉ thường trú: Thôn N, xã H, Tp. T, Phú Yên. Địa chỉ liên hệ: Thôn Đ, xã H, huyện P, Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ Đăng N, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn N, xã H, Tp. T, Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Nguyên đơn Bùi Thị Mỹ C trình bày: Chị C kết hôn với anh Nguyễn Vũ Đăng N vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố T, hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Từ khi kết hôn thì vợ chồng cùng chung sống tại thôn N, xã H, thành phố T. Cuộc sống vợ chồng duy trì được 3 năm đến năm 2017 không sống chung nữa. Chị C ở nhà riêng tại N, H với các con, còn anh N thì bỏ đi, theo chị biết thì mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nhưng lý do chính xác anh N bỏ nhà đi thì chị không rõ. Từ khi bỏ nhà đi thì anh N không về chăm sóc các con chung cũng như chu cấp nuôi con, Chị C cũng không liên lạc được với anh N, không rõ anh N đi đâu, làm gì. Gia đình hai bên thì không can thiệp vì cuộc sống riêng do vợ chồng quyết định. Tuy nhiên, chị vẫn giữ mối quan hệ tốt với cha mẹ chồng, thỉnh

thoảng vẫn chở các cháu về chơi với ông bà nội.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thùy An N, sinh ngày 01/8/2013 và Nguyễn Tá Ng, sinh ngày 02/3/2016. Hiện nay, hai cháu đang cùng ở với chị, do Chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị C buôn bán ở phía nhà mẹ ruột ở Đ, H nên chuyển các con về học tại trường Tiểu học H 2, Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Việc chuyển trường do chị tự quyết định, vì ngay khi con lớn học mẫu giáo thì anh N đã bỏ đi trước đó, không quan tâm đến cuộc sống của chị và các con. Thỉnh thoảng, anh N cũng gọi điện nói chuyện với con nhưng giữa chị và anh N không nói chuyện, hỏi han qua lại. Khi đám giỗ phía nội thì anh N mới gặp các con, còn lại thì không mua quà cho con hay gửi tiền để cùng chị phụ giúp nuôi con.

Khi ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị C buôn bán ở chợ, thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng, đủ khả năng tài chính nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/10/2022 tại Công an xã H xác định anh Nguyễn Vũ Đăng N có đăng ký thường trú tại thôn Ngọc Phong, xã H, thành phố T. Anh Nguyễn Vũ Đăng N có mặt tại địa phương.

Tại biên bản xác minh ngày 25/10/2022 tại Hội phụ nữ xã H xác định không tiếp nhận thông tin gì phản ánh về tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Nghiệp, chị Chi. Các cháu Nguyễn Thùy An N và Nguyễn Tá Ng cũng theo Chị C về H sinh sống nên phụ nữ xã không có thông tin gì.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nghiệp, yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao 02 con chung cho nguyên đơn chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Bị đơn N không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Bùi Thị Mỹ C yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Nguyễn Vũ Đăng N có địa chỉ tại thôn N, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Bùi Thị Mỹ C và bị đơn Nguyễn Vũ Đăng N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2014 ngày 20/8/2014, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày cuộc sống vợ chồng duy trì được 03 năm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không chung sống cùng với nhau từ năm 2017 đến nay, anh N đi đâu làm gì chị không biết, các con là do nguyên đơn nuôi nấng dạy dỗ, bị đơn không phụ giúp chị nuôi con cũng như cùng chị chăm sóc con, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn. Tại biên bản xác minh tại Công an xã H xác định bị đơn có mặt tại địa phương nhưng khi Tòa án triệu tập thì bị đơn vắng mặt, triệu tập nhiều lần không đến Tòa làm việc nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

Xét hai bên đương sự trong thời gian sống chung xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2017 đến nay thì vợ chồng không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm, chia sẻ với nhau, cũng không liên hệ, không gặp mặt nhau để cùng nhau chăm sóc mái ấm gia đình cũng như vun đắp cuộc sống vợ chồng, cùng nhau chăm sóc con cái nên vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[5] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Nguyễn Thùy An N, sinh ngày 01/8/2013 và cháu Nguyễn Tá Ng, sinh ngày 02/3/2016. Hiện nay các con chung đều do nguyên đơn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Thùy An N có nguyện vọng ở với mẹ. Xét bị đơn không đến Tòa cũng như không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các con chung và nguyện vọng của cháu N, Hội đồng xét xử xét giao các con chung cho nguyên đơn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn C không yêu cầu Bị đơn N cấp dưỡng nuôi con. Xét việc không yêu cầu là tự nguyện nên chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bùi Thị Mỹ C được ly hôn với bị đơn Nguyễn Vũ Đăng N.

2. *Về con chung*: Giao các con chung Nguyễn Thùy An N, sinh ngày 01/8/2013 và Nguyễn Tá Ng, sinh ngày 02/3/2016 cho nguyên đơn Bùi Thị Mỹ C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn Nguyễn Vũ Đăng N không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về án phí HNGĐ-ST*: Nguyên đơn Bùi Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0007580 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn C đã nộp đủ.

4. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Nơi nhận:*

- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND xã Hòa Kiến (số 60/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ngọc Uyên**